

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012

## MỤC LỤC

---

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	4
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2012	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 30

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

---

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012.

### 1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 0964/2001/QĐ/BTM, ngày 10 tháng 09 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Thương Mại về việc chuyển Xí nghiệp Dịch Vụ Kho Vận thành Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000781, ngày 14 tháng 01 năm 2002 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 12 tháng 06 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 56 tỷ đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 bao gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 0113002776, ngày 19 tháng 08 năm 2003 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0302511219-001 vào ngày 28 tháng 06 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0203010121, ngày 10 tháng 10 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý vỏ container cho các hãng tàu, cung ứng tàu biển;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh các dịch vụ về gom hàng lẻ xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa công cộng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi;
- Dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện ...;
- Các dịch vụ thương mại;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức.

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

### 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Đỗ Xuân Quang	Chủ tịch
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 26/04/2012)
Ông Nguyễn Bích Lân	Thành viên
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên
Ông Bùi Việt	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26/04/2012)
Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26/04/2012)
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26/04/2012)
Ông Chu Việt Cường	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26/04/2012)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 26/04/2012)
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26/04/2012)
Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26/04/2012)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Bích Lân	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Diệu	Phó Tổng Giám đốc

### 3. Tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2012

Các số liệu về tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2012 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét bởi Công ty Kiểm toán DTL.

Trong kỳ, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 7.158.455.377 đồng, giảm 81% so với cùng kỳ năm trước. Tổng Giám đốc Công ty cho rằng lợi nhuận trong kỳ giảm chủ yếu là do tình hình khó khăn chung của ngành giao nhận vận tải trong năm 2011 và năm 2012, đặc biệt là dịch vụ vận tải hàng không.

Vi vậy, kết quả kinh doanh năm 2011 của các công ty con suy giảm nhiều so với cùng kỳ năm 2010, do đó, thu nhập tài chính từ các công ty con giảm so với cùng kỳ năm 2011 đã ảnh hưởng đến doanh thu tài chính cũng như kết quả kinh doanh chung trong kỳ của Công ty.

### 4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc giai đoạn tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.


### **5. Kiểm toán viên**

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012 của Công ty.

### **6. Ý kiến của Tổng Giám đốc**

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012 của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2012

  
  
**NGUYỄN BÍCH LÂN**

Số: 13.133/BCSX-DTL

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 06 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012 được lập ngày 13 tháng 08 năm 2012 của Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 05 đến trang 30 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2012



**LỤC THỊ VÂN**  
Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**NGUYỄN CHÁNH THÀNH**  
Chứng chỉ KTV số 0544/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>57.911.361.380</b>	<b>80.334.395.942</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	(5.1)	<b>23.510.810.436</b>	<b>26.219.671.692</b>
1. Tiền	111		6.279.058.137	7.091.346.232
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.231.752.299	19.128.325.460
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	(5.2)	<b>1.071.260.000</b>	<b>6.724.712.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.071.260.000	6.724.712.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	(5.3)	<b>26.076.663.153</b>	<b>41.283.087.519</b>
1. Phải thu khách hàng	131		30.058.409.601	24.565.814.331
2. Trả trước cho người bán	132		32.602.500	53.168.200
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135			20.512.352.500
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(4.014.348.948)	(3.848.247.512)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.252.627.791</b>	<b>6.106.924.731</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		94.539.091	69.259.897
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		57.733.555	52.862.360
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.4)	7.100.355.145	5.984.802.474

(Phần tiếp theo ở trang 6)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>80.391.820.491</b>	<b>54.467.127.609</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.452.354.814</b>	<b>4.778.749.624</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.5)	3.001.790.579	3.238.491.870
+ Nguyên giá	222		8.442.901.740	8.315.886.286
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.441.111.161)	(5.077.394.416)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	(5.6)	1.450.564.235	1.540.257.754
+ Nguyên giá	228		1.622.084.179	1.622.084.179
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(171.519.944)	(81.826.425)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	(5.7)	<b>75.445.648.527</b>	<b>49.528.083.327</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		39.260.408.200	13.500.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		26.425.360.000	26.425.360.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		10.522.755.327	10.522.755.327
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(762.875.000)	(920.032.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>493.817.150</b>	<b>160.294.658</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		403.840.190	70.317.698
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		89.976.960	89.976.960
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>138.303.181.871</b>	<b>134.801.523.551</b>

(Phần tiếp theo ở trang 7)



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>35.222.648.837</b>	<b>27.697.205.190</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>34.834.671.994</b>	<b>27.432.813.797</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.8)	3.000.000.000	
2. Phải trả người bán	312	(5.9)	4.235.326.451	3.559.482.917
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.9)	10.065.267.352	10.073.951.600
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.10)	1.311.233.136	3.268.432.609
5. Phải trả người lao động	315		600.000.000	662.076.319
6. Chi phí phải trả	316	(5.11)	9.259.983.596	5.909.701.429
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.12)	780.166.202	1.252.973.664
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.13)	5.582.695.257	2.706.195.259
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>387.976.843</b>	<b>264.391.393</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333		170.000.000	20.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		217.976.843	244.391.393
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>103.080.533.034</b>	<b>107.104.318.361</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	(5.14.1)	<b>103.080.533.034</b>	<b>107.104.318.361</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.14.2)	56.000.000.000	56.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.402.850.000	2.402.850.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(155.000.000)	(155.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(274.740.704)	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.518.000.000	1.518.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	(5.14.5)	42.589.423.738	47.338.468.361
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>138.303.181.871</b>	<b>134.801.523.551</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		1.240.105,65	1.334.673,73
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2012

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**LÊ THỊ NGỌC ANH**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN BÍCH LÂN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		100.276.866.673	85.291.215.035
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	100.276.866.673	85.291.215.035
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	93.585.741.595	73.699.659.760
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.691.125.078	11.591.555.275
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	6.458.236.775	35.946.171.805
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	884.245.863	2.697.978.424
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	4.056.314.640	5.582.246.369
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.208.801.350	39.257.502.287
11. Thu nhập khác	31		18.581.818	
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác	40		18.581.818	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.227.383.168	39.257.502.287
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.6)	1.068.927.791	1.700.077.811
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.158.455.377	37.557.424.476

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2012

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**LÊ THỊ NGỌC ANH**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**NGUYỄN BÍCH LÂN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.227.383.168	39.257.502.287
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao tài sản cố định	02		453.410.264	360.825.795
Các khoản dự phòng	03		8.944.436	1.911.172.098
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			(1.206.056.378)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.444.748.540)	(30.834.702.482)
Chi phí lãi vay	06			
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>3.244.989.328</b>	<b>9.488.741.320</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		14.317.899.064	(5.401.699.271)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10			
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		2.951.742.549	2.285.932.540
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(358.801.686)	(83.691.992)
Tiền lãi vay đã trả	13			
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.812.617.395)	(407.690.834)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.645.870.000	2.317.425.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(4.340.370.002)	(2.840.063.738)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD</b>	<b>20</b>		<b>14.648.711.858</b>	<b>5.358.953.025</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(127.015.454)	(173.966.642)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(126.548.000)	(9.868.492.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.780.000.000	20.082.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(25.760.408.200)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.444.748.540	2.383.937.937
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(14.789.223.114)</b>	<b>12.423.479.295</b>

(Phần tiếp theo ở trang 11)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3.000.000.000	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.568.350.000)	(283.125.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(2.568.350.000)</b>	<b>(283.125.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(2.708.861.256)</b>	<b>17.499.307.320</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>26.219.671.692</b>	<b>5.730.038.178</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			523.631.467
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>23.510.810.436</b>	<b>23.752.976.965</b>

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**LÊ THỊ NGỌC ANH**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2012



**NGUYỄN BÍCH LÂN**

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 0964/2001/QĐ/BTM, ngày 10 tháng 09 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Thương Mại về việc chuyển Xí nghiệp Dịch Vụ Kho Vận thành Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000781, ngày 14 tháng 01 năm 2002 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 12 tháng 06 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 56 tỷ đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 bao gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 0113002776, ngày 19 tháng 08 năm 2003 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0302511219-001 vào ngày 28 tháng 06 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0203010121, ngày 10 tháng 10 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp.

### 1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý vỏ container cho các hãng tàu, cung ứng tàu biển;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh các dịch vụ về gom hàng lẻ xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa công cộng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi;
- Dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện ...;

# **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

---

- Các dịch vụ thương mại;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức.

## **2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

### **2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

## **3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### **3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

### **3.2. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

### **3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán**

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012.

## **4. Các chính sách kế toán áp dụng**

### **4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ được hạch toán theo tỷ giá hạch toán trong kỳ, riêng các khoản mục phi tiền tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối kỳ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

### **4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

## 4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05 năm
+ Phần mềm vi tính	03 - 10 năm

## 4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

## 4.6. Ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

## 4.7. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ là 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp.



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Trong năm 2012, Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 số 01/2012/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 26 tháng 04 năm 2012.

### 4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

### 4.10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Ưu đãi, miễn giảm thuế: Theo Thông tư 128/2003/TT-BTC, ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài Chính, Công ty được miễn thuế 2 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2002) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo. Thuế suất ưu đãi là 20% trong 10 năm, kể từ khi cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh (từ năm 2002).
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 4.11. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

#### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác, tài sản tài chính khác.

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

---

## *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **4.12. Các bên có liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

*(Phần tiếp theo ở trang 17)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán**

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Tiền mặt	604.980.978	1.057.230.573
Tiền gửi ngân hàng	5.674.077.159	6.034.115.659
Các khoản tương đương tiền	17.231.752.299	19.128.325.460
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.510.810.436</b>	<b>26.219.671.692</b>

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

**5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

Là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng.

**5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Phải thu khách hàng	30.058.409.601	24.565.814.331
Trả trước cho người bán	32.602.500	53.168.200
Các khoản phải thu khác	-	20.512.352.500
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>30.091.012.101</b>	<b>45.131.335.031</b>
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(4.014.348.948)	(3.848.247.512)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>26.076.663.153</b>	<b>41.283.087.519</b>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

**5.4. Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Tạm ứng	1.293.505.145	441.952.474
Ký quỹ	5.806.850.000	5.542.850.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.100.355.145</b>	<b>5.984.802.474</b>

Các khoản ký quỹ có chi tiết như sau:

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Ký quỹ cho các hãng hàng không	5.102.860.000	5.102.860.000
Ký quỹ khác	703.990.000	439.990.000
<b>Cộng</b>	<b>5.806.850.000</b>	<b>5.542.850.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	3.337.273.150	3.786.093.177	1.192.519.959	8.315.886.286
Mua trong kỳ	-	-	127.015.454	127.015.454
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>3.337.273.150</u></b>	<b><u>3.786.093.177</u></b>	<b><u>1.319.535.413</u></b>	<b><u>8.442.901.740</u></b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	2.225.695.311	2.203.070.645	648.628.460	5.077.394.416
Khấu hao trong kỳ	110.065.110	125.881.824	127.769.811	363.716.745
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>2.335.760.421</u></b>	<b><u>2.328.952.469</u></b>	<b><u>776.398.271</u></b>	<b><u>5.441.111.161</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	1.111.577.839	1.583.022.532	543.891.499	3.238.491.870
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b><u>1.001.512.729</u></b>	<b><u>1.457.140.708</u></b>	<b><u>543.137.142</u></b>	<b><u>3.001.790.579</u></b>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.032.664.827 đồng.

**5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm vi tính
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	1.622.084.179
Mua trong kỳ	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>1.622.084.179</u></b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	81.826.425
Khấu hao trong kỳ	89.693.519
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>171.519.944</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày đầu năm	1.540.257.754
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b><u>1.450.564.235</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5.7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	39.260.408.200	13.500.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	26.425.360.000	26.425.360.000
Đầu tư dài hạn khác	10.522.755.327	10.522.755.327
<b>Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn</b>	<b>76.208.523.527</b>	<b>50.448.115.327</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(762.875.000)	(920.032.000)
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>75.445.648.527</b>	<b>49.528.083.327</b>

Đầu tư vào Công ty con có chi tiết như sau:

	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị vốn góp
Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế (Vector Aviation)	90,00%	33.640.000.000
Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Con Đường Việt (Vietway)	45,90%	5.620.408.200
<b>Cộng</b>		<b>39.260.408.200</b>

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết có chi tiết như sau:

	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị vốn góp
Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Hải Jardine (Jardine)	51,00%	1.623.330.000
Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (Kintetsu)	30,00%	3.565.350.000
Công ty TNHH Dịch Vụ Vận Tải Hàng Không Toàn Cầu Vi Na Vinatrans (VA Express)	40,00%	800.000.000
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	29,28%	4.392.000.000
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (Vinatrans Hà Nội)	22,00%	13.200.000.000
Công ty TNHH Chuyển Phát Nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na)	39,00%	624.000.000
Công ty TNHH United Arab Shipping Agency (Việt Nam)	49,00%	2.220.680.000
<b>Cộng</b>		<b>26.425.360.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Đầu tư dài hạn khác có chi tiết như sau:

	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị vốn góp
Công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vi Na Vinatrans (V truck)	9,81%	726.150.000
Công ty Liên doanh Vận Tải Việt Nhật (Konoike Vina)	9,15%	4.917.335.327
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải và Thương Mại (Vinalink)	1,22%	1.650.000.000
Công ty Nissin	31,00%	3.229.270.000
<b>Cộng</b>		<b><u>10.522.755.327</u></b>

**5.8. Vay và nợ ngắn hạn**

Là khoản vay từ Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Con Đường Việt, thời hạn vay là 15 ngày, từ ngày 22 tháng 06 năm 2012 đến ngày 06 tháng 07 năm 2012 với lãi suất 0% (xem thêm mục 8).

**5.9. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	4.235.326.451	3.559.482.917
Người mua trả tiền trước	10.065.267.352	10.073.951.600
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>14.300.593.803</u></b>	<b><u>13.633.434.517</u></b>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, trong đó, khoản phải trả các bên liên quan là 82.884.575 đồng (xem thêm mục 8).

Người mua trả tiền trước là các khoản khách hàng ứng trước tiền về cung cấp dịch vụ, trong đó, khoản phải trả các bên liên quan là 1.357.765.907 đồng (xem thêm mục 8).

**5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	450.551.964	315.092.582
Thuế thu nhập doanh nghiệp	809.682.038	2.553.371.642
Các loại thuế khác	50.999.134	399.968.385
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.311.233.136</u></b>	<b><u>3.268.432.609</u></b>

**5.11. Chi phí phải trả**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí làm hàng phải trả - Chi nhánh Sài Gòn	7.202.173.080	4.535.283.866
Chi phí làm hàng phải trả - Chi nhánh Hà Nội	270.432.524	339.069.394
Tiền thưởng năng suất phải trả	879.398.007	713.510.380
Khác	907.979.985	321.837.789
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>9.259.983.596</u></b>	<b><u>5.909.701.429</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5.12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Cổ tức phải trả	150.031.000	133.881.000
Nhận ký quỹ ngắn hạn	313.425.000	313.425.000
Khác	316.710.202	805.667.664
<b>Tổng cộng</b>	<b>780.166.202</b>	<b>1.252.973.664</b>

**5.13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Số dư đầu năm	2.706.195.259	3.745.360.038
Trích lập trong kỳ	5.323.000.000	2.084.000.000
Sử dụng trong kỳ	(2.446.500.002)	(2.923.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>5.582.695.257</b>	<b>2.906.360.038</b>

(Phần tiếp theo ở trang 22)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5.14. Vốn chủ sở hữu**

**5.14.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	56.000.000.000	2.402.850.000	(155.000.000)	-	1.018.000.000	14.880.068.753	74.145.918.753
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	46.211.399.608	46.211.399.608
Tăng do phân phối quỹ	-	-	-	-	500.000.000	-	500.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	(13.753.000.000)	(13.753.000.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>56.000.000.000</b>	<b>2.402.850.000</b>	<b>(155.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>1.518.000.000</b>	<b>47.338.468.361</b>	<b>107.104.318.361</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	7.158.455.377	7.158.455.377
Tăng do phân phối quỹ	-	-	-	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Giảm khác	-	-	-	(274.740.704)	-	(11.907.500.000)	(12.182.240.704)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>56.000.000.000</b>	<b>2.402.850.000</b>	<b>(155.000.000)</b>	<b>(274.740.704)</b>	<b>2.518.000.000</b>	<b>42.589.423.738</b>	<b>103.080.533.034</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5.14.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Kho Vận Giao Nhận Ngoại Thương - TP.HCM	13.904.000.000	24,83%	-	-
Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam	6.080.000.000	10,86%	6.080.000.000	10,86%
Đối tượng khác	36.016.000.000	64,31%	49.920.000.000	89,14%
<b>Tổng cộng</b>	<b>56.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>56.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**5.14.3. Cổ tức**

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ tức đã chi trả trong kỳ:	5.568.350.000	283.125.000

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 số 01/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2012: Cổ tức năm 2011 sẽ được chia với tỷ lệ là 20%, trong năm 2011 Công ty đã tạm chia cổ tức đợt 1 với tỷ lệ 10%, và đã chia tiếp 10% còn lại vào tháng 6 năm 2012.

**5.14.4. Cổ phần**

	Cuối kỳ	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	5.600.000	5.600.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	5.600.000	5.600.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	15.500	15.500
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	5.584.500	5.584.500
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.		

**5.14.5. Phân phối lợi nhuận**

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	47.338.468.361	14.880.068.753
Chia cổ tức năm trước	(5.584.500.000)	-
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	7.158.455.377	37.557.424.476
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(1.000.000.000)	(500.000.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.743.000.000)	(1.084.000.000)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	(580.000.000)	(1.000.000.000)
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>42.589.423.738</b>	<b>49.853.493.229</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh**

**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Doanh thu - Phòng hàng không	16.621.900.793	21.473.942.393
Doanh thu - Phòng đường biển	34.898.726.700	29.307.194.811
Doanh thu - Phòng Logistics	11.782.517.955	10.068.332.984
Doanh thu - Phòng phát triển kinh doanh	24.772.556.960	14.022.952.225
Doanh thu - Phòng Bình Dương	-	83.727.645
Doanh thu - Bảo quản hàng hóa	3.093.274.126	2.608.800.841
Doanh thu - Chi nhánh Hà Nội	9.107.890.139	7.726.264.136
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>100.276.866.673</u></b>	<b><u>85.291.215.035</u></b>

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	266.071.446	138.315.112
Chi phí nhân công	7.761.488.009	6.981.964.215
Chi phí khấu hao tài sản cố định	333.720.086	288.879.189
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.582.332.896	63.597.077.266
Chi phí bằng tiền khác	4.642.129.158	2.693.423.978
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>93.585.741.595</u></b>	<b><u>73.699.659.760</u></b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Lợi nhuận được chia	5.094.172.303	30.483.425.281
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.013.488.235	5.111.469.323
Lãi tiền gửi ngân hàng	139.331.794	351.277.201
Lãi cho vay	211.244.443	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>6.458.236.775</u></b>	<b><u>35.946.171.805</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**6.4. Chi phí tài chính**

	Kỳ này	Kỳ trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.041.402.863	2.498.658.424
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	-	199.320.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(157.157.000)	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>884.245.863</b>	<b>2.697.978.424</b>

**6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.475.759.856	1.319.860.828
Chi phí đồ dùng văn phòng	20.118.418	10.878.637
Chi phí khấu hao tài sản cố định	119.690.178	71.946.606
Chi phí dự phòng	283.618.095	1.754.670.715
Chi phí bằng tiền khác	2.157.128.093	2.424.889.583
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.056.314.640</b>	<b>5.582.246.369</b>

**6.6. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	8.227.383.168	39.257.502.287
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	1.142.500.300	1.000.126.118
Trừ các khoản điều chỉnh giảm, trong đó:	(5.094.172.303)	(31.845.058.650)
- Lợi nhuận được chia	(5.094.172.303)	(30.483.425.281)
- Giảm khác	-	(1.361.633.369)
Trừ thu nhập khác chịu thuế suất 25%	-	(351.277.201)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	4.275.711.165	8.061.292.554
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	1.068.927.791	1.612.258.511
Cộng chi phí thuế TNDN từ thu nhập khác	-	87.819.300
<b>Chi phí thuế TNDN phải nộp hiện hành</b>	<b>1.068.927.791</b>	<b>1.700.077.811</b>

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo quy định của Luật thuế không được xem là chi phí được khấu trừ khi tính thuế TNDN như các khoản chi phí không có hóa đơn chứng từ, chi phí dự phòng trợ cấp mất việc làm.

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

## 6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	266.071.446	138.315.112
Chi phí nhân công	9.237.247.865	8.301.825.043
Chi phí khấu hao tài sản cố định	453.410.264	360.825.795
Chi phí dự phòng	283.618.095	1.754.670.715
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.582.332.896	63.597.077.266
Chi phí bằng tiền khác	6.819.375.669	5.129.192.198
<b>Tổng cộng</b>	<b>97.642.056.235</b>	<b>79.281.906.129</b>

## 7. Báo cáo bộ phận

Theo đánh giá của Tổng Giám đốc Công ty, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động về những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp, hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Công ty hiện chỉ đang hoạt động theo ngành nghề giao nhận vận tải, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo ngành nghề cần thiết phải thuyết minh.
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Trụ sở chính của Công ty được đặt tại TP. Hồ Chí Minh. Công ty có 2 chi nhánh ở Hà Nội và Hải Phòng. Tài sản của Trụ sở chính chiếm 96% tỷ trọng tổng tài sản toàn Công ty, doanh thu của Trụ sở chính chiếm 91% tỷ trọng tổng doanh thu toàn Công ty. Theo đánh giá của Tổng Giám đốc Công ty, các chi nhánh nêu trên chưa đủ điều kiện để thuyết minh là một báo cáo bộ phận riêng biệt theo Chuẩn mực số 28 "Báo cáo bộ phận".

Do vậy, Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh và khu vực địa lý.

## 8. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Tên Công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế (Vector Aviation)	Công ty con
2. Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Con Đường Việt	Công ty con

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư công nợ phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu	-	25.743.000.000
Phải trả - Xem thêm mục 5.9	1.440.650.482	634.398.507
Vay - Xem thêm mục 5.8	3.000.000.000	

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	724.407.318	1.166.308.265
Lãi cho vay	211.244.443	-
Sử dụng dịch vụ	2.319.733.125	2.114.779.532
Lợi nhuận được chia	-	27.000.000.000
Vay - Xem thêm mục 5.8	3.000.000.000	-

- Lương Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng quản trị:

	Kỳ này	Kỳ trước
Lương Ban Tổng Giám đốc	606.353.088	651.000.000
Thù lao Hội đồng quản trị	-	163.777.779
<b>Tổng cộng</b>	<b>606.353.088</b>	<b>814.777.779</b>

**9. Công cụ tài chính**

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công nợ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.11.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2012	01/01/2012
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.510.810.436	26.219.671.692
Phải thu khách hàng và phải thu khác	26.044.060.653	41.229.919.319
Đầu tư ngắn hạn	1.071.260.000	6.724.712.000
Đầu tư dài hạn	10.383.880.327	10.226.723.327
Tài sản tài chính khác	5.896.826.960	5.632.826.960
<b>Tổng cộng</b>	<b>66.906.838.376</b>	<b>90.033.853.298</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**Công nợ tài chính**

Các khoản vay	3.000.000.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	4.908.108.366	4.676.788.917
Chi phí phải trả	8.380.585.589	5.196.191.049
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.288.693.955</b>	<b>9.872.979.966</b>

Hiện nay, do Thông tư 210/2009/TT-BTC, ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính nên Công ty không thể đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Hiện nay, do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này nên Công ty không thể thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này.

▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Hiện nay, do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này nên Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Hiện nay, do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này nên Công ty không thể thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2012	01/01/2012	30/06/2012	01/01/2012
Đô la Mỹ (USD)	42.362,26	11.655,26	1.493.119,89	1.578.415,03

*Rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### ▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/06/2012	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán và phải trả khác	4.738.108.366	170.000.000	4.908.108.366
Chi phí phải trả	8.380.585.589	-	8.380.585.589
Các khoản vay	3.000.000.000	-	3.000.000.000
01/01/2012	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán và phải trả khác	4.656.788.917	20.000.000	4.676.788.917
Chi phí phải trả	5.196.191.049	-	5.196.191.049

Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2012	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	26.044.060.653	-	26.044.060.653
Đầu tư ngắn hạn	1.071.260.000	-	1.071.260.000
Đầu tư dài hạn khác	-	10.383.880.327	10.383.880.327
Tài sản tài chính khác	5.806.850.000	89.976.960	5.896.826.960
01/01/2012	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	41.229.919.319	-	41.229.919.319
Đầu tư ngắn hạn	6.724.712.000	-	6.724.712.000
Đầu tư dài hạn khác	-	10.226.723.327	10.226.723.327
Tài sản tài chính khác	5.542.850.000	89.976.960	5.632.826.960

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

---

**10. Các sự kiện sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính**

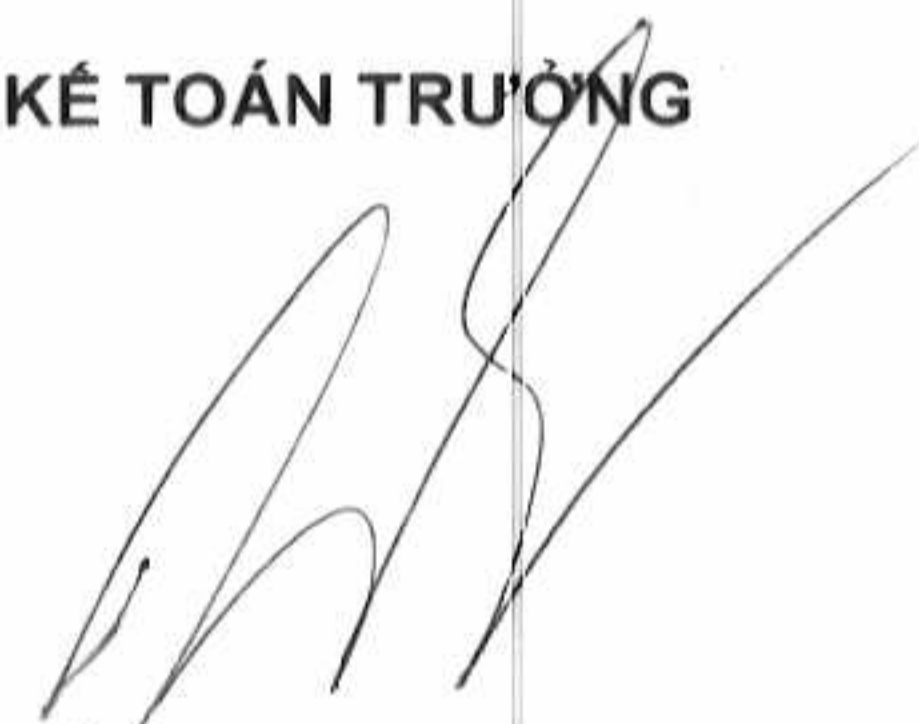
Không có các sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

**11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012 đã được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 13 tháng 08 năm 2012.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2012

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**LÊ THỊ NGỌC ANH**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN BÍCH LÂN**